

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ngày 19/5/2018, bà Hoàng Thị Kim L có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện 8 giao dịch với tổng số tiền là 39.400.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.750.277 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ, do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 01/3/2021, bà L còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 20.596.377đồng; Lãi quá hạn: 19.797.905đồng; Tổng cộng: 40.394.282đồng (Bốn mươi triệu ba trăm chín bốn ngàn hai trăm tám hai đồng), lãi phát sinh được tiếp tục tính cho đến khi bà L trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà L thanh toán số tiền nợ gốc: 17.649.723đồng (Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng); Lãi hàng tháng (từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018): 558.262đồng (Năm trăm năm tám ngàn hai trăm sáu hai đồng), Lãi trong hạn (tháng 12/2018, tháng 01/2019): 578.905đồng (Năm trăm bảy tám ngàn chín trăm lẻ năm đồng), Lãi quá hạn (tính từ tháng 02/2019 đến ngày 21/10/2021): 25.822.235đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm hai hai ngàn hai trăm ba lăm đồng); Phí vượt hạn mức: 50.000đồng (Năm mươi ngàn đồng), Phí đăng ký trả góp: 1.331.500 (Một triệu ba trăm ba một ngàn năm trăm đồng); Phí trễ hạn: 427.987đồng (Bốn trăm hai bảy ngàn chín trăm tám bảy đồng), Tổng cộng: 46.418.612đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười tám ngàn sáu trăm mười hai đồng), lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 22/11/2021 cho đến khi bà L thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Hoàng Thị Kim L đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà Loan đều không có mặt và không có lý do về

việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Hoàng Thị Kim L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ K90 Nguyễn V, tổ 24 phường N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, do đó Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà L vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị Kim L.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 19/5/2018, bà Hoàng Thị Kim L đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng). Hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, lãi suất 2,25%/ tháng, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện 8 giao dịch với tổng số tiền là 39.400.000đồng (lần giao dịch cuối cùng là ngày 22/01/2019). Ngày 22/9/2018 (sau giao dịch lần thứ 4), bà L đã thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng được 21.750.277 đồng. Từ ngày 23/01/2019 đến nay bà L không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Kim L phải thanh toán số tiền nợ gốc: 17.649.723đồng (Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng); Lãi hàng tháng (từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018): 558.262đồng (Năm trăm năm tám ngàn hai trăm sáu hai đồng), Lãi trong hạn (tháng 12/2018, tháng 01/2019): 578.905đồng (Năm trăm bảy tám ngàn chín trăm lẻ năm đồng), Lãi quá hạn (tính từ tháng 02/2019 đến ngày 21/10/2021): 25.822.235đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm hai hai ngàn hai trăm ba lăm đồng), Phí vượt hạn mức: 50.000đồng (Năm mươi ngàn đồng), Phí đăng ký trả góp: 1.331.500 (Một triệu ba trăm ba một ngàn năm trăm đồng); Phí trễ hạn: 427.987đồng (Bốn trăm hai bảy ngàn chín trăm tám bảy đồng); Tổng cộng: 46.418.612đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười tám ngàn sáu trăm mười hai đồng). Lãi được tiếp tục tính từ ngày 22/10/2021 đến khi bà L thanh toán dứt điểm số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 19/5/2018.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà L vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện bà L có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/5/2018 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Trong 8 ngày: ngày 22/6/2018, 22/7/2018, 22/8/2018, 22/9/2018,

22/10/2018, 22/11/2018, 22/12/2018, 22/01/2019 bà bà L đã thực hiện các giao dịch và thanh toán được các khoản nợ gốc, nợ lãi là như Ngân hàng trình bày là đúng. Đến nay, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 17.649.723đồng (Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng); Lãi hàng tháng (từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018): 558.262đồng (Năm trăm năm tám ngàn hai trăm sáu hai đồng), Lãi trong hạn (tháng 12/2018, tháng 01/2019): 578.905đồng (Năm trăm bảy tám ngàn chín trăm lẻ năm đồng), Lãi quá hạn (tính từ tháng 02/2019 đến ngày 21/10/2021): 25.822.235đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm hai hai ngàn hai trăm ba lăm đồng), Phí vượt hạn mức: 50.000đồng (Năm mươi ngàn đồng), Phí đăng ký trả góp: 1.331.500 (Một triệu ba trăm ba một ngàn năm trăm đồng); Phí trễ hạn: 427.987đồng (Bốn trăm hai bảy ngàn chín trăm tám bảy đồng); Tổng cộng: 46.418.612đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười tám ngàn sáu trăm mười hai đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Kể từ ngày 23/01/2019 đến nay bà L không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 23 trong Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T mà bà Loan đã ký kết với Ngân hàng ngày 19/5/2018. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ nợ gốc: 17.649.723đồng; Lãi hàng tháng (từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018): 558.262đồng, Lãi trong hạn (tháng 12/2018, tháng 01/2019): 578.905đồng, Lãi quá hạn (tính từ tháng 02/2019 đến ngày 21/10/2021): 25.822.235đồng, Phí vượt hạn mức: 50.000đồng, Phí đăng ký trả góp: 1.331.500đồng; Phí trễ hạn: 427.987đồng; Tổng cộng: 46.418.612đồng. Lãi được tiếp tục tính từ ngày 22/10/2021 đến khi bà L thanh toán dứt điểm số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 19/5/2018 như Ngân hàng yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bà Hoàng Thị Kim L phải chịu theo qui định của pháp luật là: $46.418.612\text{đồng} \times 5\% = 2.320.630\text{đồng}$.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với bà Hoàng Thị Kim L.

Xử:

1. Buộc bà Hoàng Thị Kim L phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền: 46.418.612 đồng (*Bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười tám ngàn sáu trăm mười hai đồng*) (trong đó: nợ gốc: 17.649.723 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi ba đồng*); Lãi hàng tháng: 558.262 đồng (*Năm trăm năm tám ngàn hai trăm sáu mươi hai đồng*), Lãi trong hạn: 578.905 đồng (*Năm trăm bảy tám ngàn chín trăm lẻ năm đồng*), Lãi quá hạn: 25.822.235 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm hai mươi hai ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng*), Phí vượt hạn mức: 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*), Phí đăng ký trả góp: 1.331.500 (*Một triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng*); Phí trễ hạn: 427.987 đồng (*Bốn trăm hai bảy ngàn chín trăm tám bảy đồng*))

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 22/10/2021 đến khi bà L thanh toán dứt điểm số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ký ngày 19/5/2018.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Hoàng Thị Kim L phải chịu là: 2.320.630 đồng (*Hai triệu ba trăm hai mươi ngàn sáu trăm ba mươi đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 1.010.000 (*Một triệu không trăm mười ngàn đồng*) theo biên lai thu số 5582 ngày 08/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh